

GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC DẠY HỌC TRẢI NGHIỆM MÔN TIẾNG VIỆT CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Thị Thom

Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây

Email: lethithom.c20@gmail.com

Article history

Received: 10/01/2022

Accepted: 27/01/2022

Published: 05/02/2022

Keywords

Solutions, competence, experiential activities, experiential teaching, Vietnamese subject

ABSTRACT

Experiential teaching of Vietnamese language is when teachers organize experiential activities for students to construct Vietnamese language knowledge. This is the process in which learners build up knowledge and form skills directly from experience. The quality and effectiveness of this activity depends a lot on the teaching capacity of the teacher. This study examines the capacity of primary school teachers in teaching Vietnamese through experiential activities to propose 04 solutions to improve the teaching capacity of Vietnamese language teaching for primary school teachers. These are considered as the main, core and typical activities for primary school teachers to improve their experiential teaching capacity.

1. Mở đầu

Tiểu học là cấp học có tính chất nền tảng trong hệ thống giáo dục. Ở cấp học này, Tiếng Việt là môn chính, rất quan trọng, chiếm đa số thời lượng trong chương trình giáo dục. Yêu cầu phát triển năng lực người học đòi hỏi dạy học gắn liền với thực tiễn cuộc sống xã hội, tăng cường các hoạt động trải nghiệm (HDTN). Dạy học phải gắn liền với thực tế cuộc sống, thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa lý thuyết với thực tiễn. HS được đặt vào vị trí trung tâm của quá trình nhận thức, trải nghiệm và chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, hình thành các giá trị sống phù hợp với mỗi cá nhân, có khả năng vận dụng vào tình huống mới. Đó là một trong những mục tiêu của đổi mới giáo dục.

Năng lực GV nói chung và năng lực dạy học trải nghiệm (DHTN) nói riêng là một trong những nhân tố quan trọng quyết định chất lượng và hiệu quả đổi mới giáo dục. Bên cạnh đội ngũ GV có năng lực, nhiệt huyết và kinh nghiệm đã tích cực thực hiện những đổi mới với nhiều hình thức phong phú và đa dạng thì khả năng đáp ứng việc đổi mới giáo dục ở một bộ phận GV vẫn còn có những hạn chế nhất định. Vì vậy, xây dựng và thực hiện các giải pháp để nâng cao năng lực DHTN cho GV nói chung và GV tiểu học trong dạy môn Tiếng Việt nói riêng là một yêu cầu cấp thiết đối với công tác quản lý, đào tạo và bồi dưỡng.

Từ những khái niệm cơ bản, kết quả khảo sát thực trạng năng lực DHTN môn Tiếng Việt của GV tiểu học tại TP. Hà Nội, chúng tôi đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực DHTN môn Tiếng Việt cho GV tiểu học đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Năng lực dạy học

“Năng lực dạy học của GV là sự kết hợp linh hoạt kiến thức của môn học với kỹ năng thực hành cũng như hứng thú của người dạy để thực hiện mục tiêu dạy học hiệu quả (Trần Thị Kim Cúc, 2017, tr 20). Theo Chu Thu Hoàn (2018), năng lực dạy học là những năng lực thành phần của năng lực sư phạm: *Năng lực dạy học là hệ thống những thuộc tính cá nhân của mỗi GV để làm tốt công việc dạy học. Năng lực bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ mà một GV phải chứng tỏ thành công khi hoàn thành một chương trình giáo dục.* Năng lực có đặc điểm sau: (1) Bao gồm một hoặc nhiều kỹ năng mà sự tinh thông sẽ giúp đạt được; (2) Được liên kết và có thể đánh giá được qua ba lĩnh vực kiến thức, kỹ năng và thái độ; (3) Có thể quan sát và chứng minh được. Do khả năng có thể quan sát, năng lực có thể đo được. Một số năng lực có thể đòi hỏi nhiều kiến thức hơn kỹ năng hoặc thái độ, một số năng lực có thể lại đòi hỏi nhiều kỹ năng hơn hoặc dựa trên hiệu suất.

Có thể thấy, quan điểm của các nhà nghiên cứu đều cho rằng, năng lực dạy học mang bản chất của năng lực hành động gắn với quá trình dạy - học. Trong nghiên cứu này, chúng tôi theo quan điểm của Nguyễn Thị Ngọc Phúc (2018, tr 20) khi cho rằng năng lực dạy học là “thuộc tính của người GV tổ chức hoạt động dạy học một cách có hiệu quả (đảm bảo các mục tiêu dạy học về kiến thức, kỹ năng, thái độ và sự phát triển năng lực bằng sự chuyên nghiệp và tính trách nhiệm) bao gồm: năng lực thiết kế dạy học, tiến hành dạy học, đánh giá dạy học và quản lý dạy

học”. Năng lực dạy học bao gồm nhiều thành tố tạo thành: năng lực thiết kế kế hoạch dạy học; năng lực tổ chức, tiến hành dạy học; năng lực đánh giá dạy học và năng lực quản lý quá trình dạy học.

2.1.2. Năng lực dạy học trải nghiệm

Theo Nguyễn Thị Ngọc Phúc (2018), *năng lực DHTN là một tập con của năng lực dạy học; đồng thời là sự yêu cầu cao của năng lực này*. Bởi vì, DHTN đòi hỏi trong quá trình dạy học, người học được tham gia trải nghiệm và phản ánh kinh nghiệm sau quá trình đó. Nếu thiếu một trong hai yếu tố này, thì dạy học chưa đạt được yêu cầu trải nghiệm đúng nghĩa. Như vậy, theo chúng tôi: Năng lực DHTN là một thuộc tính của người dạy (GV và nhà giáo dục) tổ chức hiệu quả quá trình dạy học (gồm tất cả các khâu thiết kế, tiến hành, đánh giá và quản lý) trong đó người học được tạo môi trường trải nghiệm gắn với thực tế và chiêm nghiệm những điều cần thiết để vận dụng vào cuộc sống dưới sự định hướng của người dạy.

2.1.3. Năng lực dạy học trải nghiệm môn Tiếng Việt

Xuất phát từ những khái niệm trên, chúng tôi xác định: Năng lực DHTN môn Tiếng Việt là một thuộc tính của người dạy (GV và nhà giáo dục) tổ chức hiệu quả quá trình dạy học môn Tiếng Việt (gồm tất cả các khâu xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức thực hiện việc dạy học, đánh giá HS và quản lý hoạt động dạy học) trong đó người học được tạo môi trường trải nghiệm gắn với thực tế sử dụng tiếng Việt và chiêm nghiệm những kiến thức và kỹ năng trong môn Tiếng Việt để vận dụng vào thực tế giao tiếp nhằm đạt hiệu quả cao.

2.2. Thực trạng năng lực dạy học trải nghiệm môn Tiếng Việt của giáo viên tiểu học

Căn cứ vào lý luận dạy học, để có được các năng lực DHTN môn Tiếng Việt đòi hỏi GV tiểu học phải có các năng lực bộ phận đảm bảo quá trình tổ chức, thực hiện HDTN được diễn ra đạt hiệu quả ở tất cả các khâu, bao gồm: Năng lực xác định nội dung/chủ đề dạy học môn Tiếng Việt có thể khai thác hình thức HDTN; năng lực lập kế hoạch DHTN môn Tiếng Việt; năng lực thiết kế các HDTN môn Tiếng Việt; năng lực điều hành, thực hiện các HDTN và năng lực kiểm tra, đánh giá HDTN môn Tiếng Việt cùng với các tiêu chí cụ thể (xem bảng 1).

Bảng 1. Các năng lực DHTN môn Tiếng Việt ở tiểu học và những tiêu chí đánh giá

STT	Năng lực thành phần	Tiêu chí
1	Xác định nội dung môn Tiếng Việt có thể khai thác HDTN	- 1.1. Xác định mục tiêu của các chủ đề, nội dung... môn Tiếng Việt - 1.2. Phân tích nội dung môn Tiếng Việt, đặc điểm của HS tiểu học để xác định các chủ đề, nội dung có thể thực hiện DHTN - 1.3. Phân tích các điều kiện để thực hiện DHTN - 1.4. Lựa chọn được hệ thống các nội dung, chủ đề DHTN môn Tiếng Việt
2	Lập kế hoạch HDTN môn Tiếng Việt	- 2.1. Xác định mục tiêu, yêu cầu của từng hoạt động DHTN môn Tiếng Việt - 2.2. Xác định thời gian tiến hành, phương thức thực hiện DHTN - 2.3. Xác định nội dung môn Tiếng Việt tổ chức DHTN - 2.4. Xác định đối tượng tổ chức, thực hiện, tham gia trong hoạt động DHTN môn Tiếng Việt
3	Thiết kế các HDTN môn Tiếng Việt	- 3.1. Xác định mục tiêu của từng pha/từng bước trong hoạt động DHTN - 3.2. Lựa chọn hình thức/loại hình hoạt động DHTN - 3.3. Xác định nội dung của các nội dung/môn học liên quan (nếu có) - 3.4. Thiết lập các điều kiện để tạo lập môi trường trải nghiệm - 3.5. Lựa chọn, sử dụng các hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, phương tiện phù hợp với chủ đề, mục tiêu, nội dung và đối tượng tiến hành DHTN - 3.6. Thiết kế các pha/bước cụ thể trong quy trình DHTN
4	Điều hành, thực hiện HDTN môn Tiếng Việt	- 4.1. Kỹ năng tạo lập môi trường tổ chức hoạt động DHTN - 4.2. Tạo lập và quản lý hồ sơ học tập cho cá nhân/nhóm tham gia HDTN - 4.3. Kỹ năng tổ chức, triển khai DHTN theo quy trình - 4.4: Tổng hợp, ghi chép, báo cáo về tổ chức HDTN
5	Kiểm tra, đánh giá HDTN môn Tiếng Việt	- 5.1. Xác định mục đích đánh giá trong hoạt động DHTN - 5.2. Xây dựng bộ công cụ đánh giá phù hợp với mục đích đánh giá trong DHTN môn Tiếng Việt - 5.3. Tổ chức đánh giá, xử lý và sử dụng kết quả đánh giá trong và sau DHTN

Các tiêu chí trên là sự cụ thể hóa của 5 thành tố trong cấu trúc năng lực tổ chức HDTN môn Tiếng Việt ở tiểu học. Chúng tôi đã dùng 21 tiêu chí này để khảo sát 191 cán bộ quản lý và 490 GV tiểu học của 10 quận/huyện thuộc TP. Hà Nội (các quận: Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hà Đông, Hoàng Mai; các huyện ngoại thành: Thanh Oai, Hoài Đức,

Thường Tín, Ba Vì, Sóc Sơn, Mỹ Đức; mỗi quận, huyện khảo sát 2 trường tiểu học) thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 4/2020. Kết quả thu được như sau: GV tự đánh giá năng lực DHTN môn Tiếng Việt của bản thân có tỉ lệ như sau: mức độ “đạt”: 37,35%; mức độ “tốt”: 57,35%, rất ít người tự đánh giá mình ở mức “rất tốt”. Điều đó khẳng định đội ngũ GV đã thẳng thắn nhìn nhận và tự đánh giá năng lực của bản thân phù hợp với thực tiễn. Kết quả khảo sát cũng cho thấy: có 32,63% CBQL đánh giá GV có năng lực DHTN môn Tiếng Việt ở mức độ “đạt”; 55,26% CBQL đánh giá GV có năng lực DHTN môn Tiếng Việt ở mức độ “tốt” và có 10,00% CBQL đánh giá GV có năng lực DHTN môn Tiếng Việt ở mức độ “rất tốt”.

Từ kết quả khảo sát trên kết hợp với phỏng vấn sâu CBQL và GV dạy môn Tiếng Việt ở tiểu học, chúng tôi thấy cần thiết phải có những giải pháp để nâng cao năng lực DHTN môn Tiếng Việt cho GV tiểu học.

2.3. Giải pháp nâng cao năng lực dạy học trải nghiệm môn Tiếng Việt cho giáo viên tiểu học

2.3.1. Giáo viên cần nâng cao năng lực xác định chủ đề, nội dung trong môn Tiếng Việt sử dụng dạy học trải nghiệm

Không phải tất cả các bài học trong sách giáo khoa Tiếng Việt đều trở thành đối tượng, nội dung DHTN. Nội dung, chủ đề, bài học trong chương trình, sách giáo khoa Tiếng Việt chỉ trở thành đối tượng để tiến hành DHTN khi nó phù hợp với những đặc trưng của lí thuyết DHTN và có tính khả thi. Để có nội dung, chủ đề môn Tiếng Việt dùng trong DHTN, GV cần: - Phân tích nội dung môn Tiếng Việt, đặc điểm HS tiểu học để xác định chủ đề, nội dung DHTN; - Phân tích các điều kiện (cơ sở vật chất, trang thiết bị, trình độ nhận thức, năng lực chuyên môn, các điều kiện khác...) để xác định chủ đề, nội dung DHTN; - Lựa chọn hệ thống nội dung, chủ đề môn Tiếng Việt ở tiểu học để DHTN.

Việc lựa chọn nội dung, chủ đề môn Tiếng Việt ở tiểu học có thể xác định theo 03 cách:

- Cách 1: Lựa chọn bài học, nội dung bài học trong chương trình, sách giáo khoa Tiếng Việt để tổ chức DHTN.
- Cách 2: Lựa chọn, xác định chủ đề môn Tiếng Việt theo khối lớp (tích hợp ngang) hoặc lựa chọn, xác định chủ đề môn Tiếng Việt liên khối lớp (tích hợp dọc).
- Cách 3: Lựa chọn, xác định các năng lực cụ thể (đọc, viết, nói - nghe) trên cơ sở các ngữ liệu phù hợp để tổ chức DHTN.

Những nội dung, chủ đề môn Tiếng Việt ở tiểu học có những dấu hiệu, đặc điểm sau đây sẽ được lựa chọn để DHTN: - Đáp ứng mục tiêu môn Tiếng Việt ở tiểu học; góp phần phát triển năng lực đọc, viết, nói - nghe cho HS; - Gắn gũi, có tính khả thi trong việc “trải nghiệm” của HS; - Phù hợp với tâm lí, nhận thức của HS tiểu học; - Cơ sở vật chất, các điều kiện dạy học đảm bảo để tổ chức DHTN.

2.3.2. Giáo viên cần nâng cao năng lực lập kế hoạch dạy học trải nghiệm môn Tiếng Việt

- *Phát triển năng lực xác định mục tiêu, yêu cầu của hoạt động DHTN môn Tiếng Việt:* Việc phát triển năng lực này phải đảm bảo nguyên tắc SMART và đáp ứng bản chất của lí thuyết DHTN. Cụ thể: mục tiêu, yêu cầu của hoạt động DHTN môn Tiếng Việt cần được GV xác định rõ ràng, cụ thể (Specific); lượng hóa được, đo lường được (Measurable); có tính khả thi, thực hiện được (Achievable); đảm bảo tính thực tế (Realistic); đạt được trong một giới hạn thời gian (Time - Bound); đáp ứng chuẩn đầu ra và mục tiêu chung của môn Tiếng Việt ở tiểu học và đáp ứng bản chất, đặc điểm, yêu cầu của DHTN.

- *Phát triển năng lực xác định đối tượng tổ chức, đối tượng tham gia thực hiện hoạt động DHTN:* Việc xác định đối tượng tổ chức và tham gia vào hoạt động DHTN đòi hỏi phải thực hiện dựa trên cơ sở của lí luận dạy học hiện đại và lí thuyết về DHTN. Cụ thể: đối tượng tổ chức, tham gia thực hiện hoạt động DHTN cần được GV xác định cụ thể, khả thi, dựa trên kết quả phân tích trình độ nhận thức, năng lực chuyên môn của đối tượng thực hiện DHTN và GV giao việc rõ ràng, đảm bảo thực hiện đúng và hiệu quả kế hoạch theo hướng: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, dễ kiểm tra, giám sát.

- *Phát triển năng lực lựa chọn hình thức tổ chức, phương pháp DHTN:* Lựa chọn hình thức tổ chức và phương pháp nào là do sự phân tích các thành tố tham gia vào quá trình dạy học (mục tiêu dạy học, đối tượng người học, nội dung dạy học, các điều kiện thực hiện hoạt động dạy học...). Việc lựa chọn hình thức tổ chức và phương pháp DHTN phải đảm bảo các yêu cầu sau đây: + Khả thi, đáp ứng được mục tiêu hoạt động DHTN; + Được GV sử dụng linh hoạt, phù hợp với chủ đề, mục tiêu, nội dung và đối tượng tiến hành, tham gia DHTN; + Đảm bảo nguyên lí phân hóa và phù hợp đặc thù môn học và nhận thức, tâm lí người học.

- *Phát triển năng lực thiết lập các điều kiện để tạo lập môi trường DHTN (thời gian, không gian, cơ sở vật chất, kĩ thuật...):* Thiết lập được một môi trường tốt để hoạt động dạy học diễn ra là điều kiện để đảm bảo hoạt động dạy học thành công. Môi trường ấy bao gồm các yếu tố về thời gian, không gian, phương tiện vật chất, kĩ thuật... Các yếu tố ấy cần đảm bảo hỗ trợ, phục vụ tốt nhất cho hoạt động DHTN. Cụ thể: + Thời gian DHTN môn Tiếng Việt phải đủ về thời lượng, hợp lí về thời điểm; + Không gian phù hợp với điều kiện, quy mô tổ chức, nội dung DHTN và đối

tương thực hiện; + Các điều kiện về phương tiện, vật chất, kỹ thuật... để DHTN khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn và đáp ứng được yêu cầu mục tiêu của chủ đề của DHTN; + Môi trường diễn ra HĐTN dân chủ, thuận lợi khiến HS chủ động, hào hứng tham gia, đáp ứng được yêu cầu mục tiêu của chủ đề của DHTN.

- *Phát triển năng lực thiết kế các pha, các bước cụ thể trong quy trình DHTN*: Các pha, các bước cụ thể trong quy trình DHTN được GV thiết kế chính xác, khoa học, khả thi, hiệu quả; đảm bảo đúng đặc trưng của lý thuyết DHTN và đặc trưng của môn học. Theo lý thuyết đã xây dựng, quy trình DHTN môn Tiếng Việt gồm 04 bước:

- *Bước 1: Trải nghiệm khám phá*: HS trải nghiệm mới thông qua việc thực hiện những hoạt động, tình huống cụ thể và thực tế.

- *Bước 2: Suy ngẫm, phân tích, khái quát hóa*: HS xử lý những gì tìm được theo ý tưởng, quan điểm cá nhân hay cách nào đó, tức là phát triển những gì thu được thành khái niệm ngôn ngữ, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ.

- *Bước 3: Thực hành, áp dụng, sáng tạo*: HS thử nghiệm sau khi “nghiên cứu” vừa để kiểm tra độ tin cậy của các hoạt động đã trải nghiệm vừa để phát triển các năng lực sử dụng tiếng Việt cụ thể.

- *Bước 4: Đánh giá*: GV và HS rà soát lại toàn bộ quá trình và kết quả học qua trải nghiệm; từ đó có thông tin để điều chỉnh hoặc bổ sung cho HĐTN.

04 bước trên kết hợp với nhau tạo thành một vòng tròn khép kín, chúng vừa là điều kiện tiên quyết của nhau vừa là những thông số để kiểm tra trước khi tiến hành bước tiếp theo.

2.3.3. Giáo viên cần nâng cao năng lực thực hiện hoạt động dạy học trải nghiệm trong dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học

- *Hướng dẫn HS tạo lập, phát triển hồ sơ học tập và phối hợp quản lý hồ sơ học tập của HS*: Hồ sơ học tập là bộ sưu tập có hệ thống các hoạt động học tập của HS trong thời gian liên tục; giúp GV và HS đánh giá sự phát triển và trưởng thành của HS. Thông qua hồ sơ học tập, HS hình thành ý thức sở hữu hồ sơ học tập của bản thân; từ đó biết được bản thân tiến bộ đến đâu, cần hoàn thiện ở mặt nào. Nội dung hồ sơ học tập khác nhau ứng với cấp độ của HS và phụ thuộc vào nhiệm vụ môn học mà HS được giao. Hồ sơ học tập không nên chứa quá nhiều thông tin, GV và HS cần thống nhất các mục chính và tiêu chí lựa chọn các mục để đưa sản phẩm vào hồ sơ một cách hợp lý.

- *Tổ chức, triển khai DHTN theo quy trình*: Nếu coi hoạt động dạy học là một vở kịch hay màn kịch thì sau khi đã có kịch bản, có các điều kiện để hỗ trợ, có các diễn viên và đạo diễn thì vở diễn sẽ được bắt đầu. Mức độ thành công của vở diễn phụ thuộc nhiều vào năng lực, vào tài chỉ huy của người đạo diễn. Cũng như vậy, tiến trình DHTN hiệu quả ra sao phụ thuộc nhiều vào năng lực tổ chức, triển khai, quản lý của GV. Để làm tốt việc này, GV cần: + Tổ chức, triển khai hoạt động DHTN môn Tiếng Việt theo kế hoạch đã xây dựng; + Bao quát, quản lý và hỗ trợ kịp thời HS trong quá trình tổ chức DHTN; + Linh hoạt; sáng tạo trong giải quyết các tình huống sư phạm.

- *Tổng hợp, ghi chép, báo cáo*: Để có dữ liệu phản hồi, nhận xét, đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ học tập và mức độ đạt mục tiêu học tập, ngoài việc quan sát, GV cần ghi chép, tổng hợp và xây dựng báo cáo quá trình DHTN. Việc làm này đòi hỏi tổng hợp, ghi chép đầy đủ, chính xác quá trình DHTN; đồng thời báo cáo quá trình DHTN được GV xây dựng rõ ràng, cụ thể, chi tiết.

2.3.4. Giáo viên cần nâng cao năng lực đánh giá trong dạy học trải nghiệm môn Tiếng Việt ở tiểu học

- *GV xác định rõ mục đích đánh giá*: Trước khi tiến hành hoạt động đánh giá, GV cần xác định rõ mục đích của hoạt động đánh giá: đánh giá để làm gì? Tùy từng ngữ cảnh giáo dục mà mục đích đánh giá được xác định khác nhau. Mục đích đánh giá trong DHTN môn Tiếng Việt được xác định khoa học; rõ ràng, cụ thể.

- *Xây dựng bộ công cụ đánh giá*: Công cụ đánh giá là phương tiện để thực hiện hoạt động đánh giá, giúp hoạt động đánh giá đi đến đích. Bộ công cụ đánh giá trong DHTN môn Tiếng Việt đảm bảo phủ được toàn bộ mục đích đánh giá; đánh giá đúng năng lực người học, phù hợp với đặc trưng môn học và đơn giản, tiện dụng, khả thi. Đó là những bài tập, phiếu hỏi, câu hỏi, đề kiểm tra, đề thi...

- *Tổ chức đánh giá*: Để đánh giá mức độ HS đạt được mục tiêu môn học trong HĐTN, GV nên áp dụng các phương pháp đánh giá đặc thù như: quan sát, lập hồ sơ; phỏng vấn và đánh giá sản phẩm. Cách thức thực hiện các phương pháp đánh giá đó như sau:

+ *Cách thức đánh giá bằng phương pháp quan sát - lập hồ sơ*: Trong quá trình DHTN, GV cần: (1) Quan sát kỹ HS xem HS có hứng thú, quan tâm tới HĐTN không? Quan tâm ở mức độ như thế nào? Thể hiện bằng thái độ, hành động nào? HS có tò mò khám phá cái mới không? (2) Quan sát xem HS có tích cực tham gia vào hoạt động và hợp tác cùng bạn bè không? HS có tìm đến GV để hỏi và tìm hiểu các vấn đề bản thân chưa rõ hay muốn biết thêm không? Trong quá trình HĐTN, HS có ghi chép thông tin và thể hiện sự tập trung cao không? (3) Ghi chép lại thật cụ thể những gì quan sát được ở HS và lập hồ sơ để đánh giá từng HS dưới dạng nhật kí.

+ *Cách thức đánh giá bằng phương pháp phỏng vấn*: GV có thể thiết lập một “bảng hỏi” dựa trên các mức độ đạt được mục tiêu học tập của HS (giả định trước) và những điều muốn biết, muốn đánh giá ở HS để hỏi HS. Căn cứ vào các câu trả lời mà HS đưa ra, GV có thể đánh giá mức độ đạt được mục tiêu ở HS.

+ *Cách thức đánh giá bằng phương pháp đánh giá sản phẩm*: Trong DHTN, sản phẩm mà HS tạo ra rất phong phú. GV có thể thu thập các sản phẩm này để đánh giá mức độ đạt được mục tiêu của HS. Trong khi đánh giá, GV có thể sử dụng độc lập một trong các phương pháp đánh giá hoặc sử dụng kết hợp tất cả các phương pháp đó.

- *Xử lý và sử dụng kết quả đánh giá*: Sau khi đã tổ chức đánh giá, GV tiến hành xử lý, phân tích, bình luận kết quả và sử dụng kết quả ấy cho chu trình dạy học tiếp theo. Việc đánh giá, xử lý và sử dụng kết quả đánh giá cần được thực hiện khách quan, nghiêm túc, khoa học; đánh giá được năng lực từng cá nhân HS ở các mức độ trong và sau quá trình DHTN; tiến hành xử lý, phân tích chính xác các thông tin, số liệu đánh giá thu được; sử dụng hiệu quả, có mục đích kết quả đánh giá trong và sau quá trình DHTN.

3. Kết luận

Để GV tiểu học tổ chức tốt hoạt động DHTN môn Tiếng Việt đòi hỏi phải dựa trên nhiều yếu tố, song cốt lõi nhất vẫn là năng lực của GV. Việc xác định các năng lực để đào tạo, bồi dưỡng GV tiểu học không tùy tiện, cảm tính mà căn cứ vào khung cấu trúc năng lực DHTN môn Tiếng Việt đã được xác định và kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng dạy học bộ môn của GV nói chung và thực trạng DHTN môn Tiếng Việt của GV tiểu học nói riêng. Trật tự sắp xếp các giải pháp (từ 2.3.1 đến 2.3.4) cũng được tuân thủ theo logic nhất định và đảm bảo thứ tự, tiến trình của hoạt động dạy học. Do vậy, GV tiểu học cần được đào tạo, bồi dưỡng theo một chu trình từ việc xác định chủ đề, nội dung trong môn Tiếng Việt sử dụng DHTN đến việc lập kế hoạch DHTN, tổ chức, điều hành hoạt động DHTN và phát triển năng lực đánh giá trong DHTN. Việc đào tạo, bồi dưỡng GV và nhà quản lý giáo dục cấp tiểu học phát triển năng lực DHTN môn Tiếng Việt chủ yếu bằng hình thức tự đào tạo, tự bồi dưỡng. Trong đó, GV xác định tự đào tạo, tự bồi dưỡng để phát triển tốt năng lực thiết kế kế hoạch DHTN và thiết kế các HĐTN cụ thể là rất quan trọng. Đây là những hoạt động chính, cốt lõi, có tính đặc trưng để GV tiểu học nâng cao năng lực DHTN. Để phát triển các năng lực DHTN môn Tiếng Việt, GV không chỉ đọc tài liệu, nghiên cứu lý thuyết mà cần thiết phải thực hành, thông qua thực tiễn dạy học để điều chỉnh và phát triển bản thân.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Chu Thu Hoàn (2018). *Phát triển năng lực dạy học môn Toán bằng tiếng Anh cho giáo viên Toán trung học phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Lê Thái Hưng, Lại Thị Yên Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Thế Tình (2019). *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông mới*. NXB Đại học Sư phạm.
- Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên, 2019). *Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học dành cho giáo viên* (lớp 1, 2, 3, 4, 5). NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đỗ Hương Trà (2015). *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh*. NXB Đại học Sư phạm.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential Learning: Experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- Lê Thị Mỹ Trà (2020). *Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học*. NXB Đại học Cần Thơ.
- Nguyễn Như Ý (chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Vũ Quang Hào, Phan Xuân Thành (2011). *Đại từ điển Tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Ngọc Phúc (2018). Phát triển năng lực dạy học trải nghiệm cho giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. *Tạp chí Giáo dục*, 439, 22-24.
- Phạm Quang Tiệp (2017). Dạy học khoa học cho học sinh tiểu học theo hướng trải nghiệm. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt tháng 8, 201-205.
- Tương Duy Hải (chủ biên, 2017). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Ngữ văn trung học cơ sở*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Trần Thị Kim Cúc (2017). Phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học cho giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh*, 46(3B), 20-28.